

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, sửa đổi lần thứ 6 ngày 29/01/2021.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Quân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Bình Diễn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Đức Ý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Hoàng Quốc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Quân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/06/2023)
Ông Nguyễn Đức Ý	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/06/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Ngô Tiến Cương - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 07 đến trang 31, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà



Ngô Tiên Cương

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024



Số: 012/2024/BCKT-HT.00136

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh khoản lỗ (83.064.681.558) đồng, nâng tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2023 lên (436.808.178.321) đồng, chiếm 73,7% Vốn điều lệ (tại ngày 01/01/2023 số lũy kế là (353.743.496.763) đồng, chiếm 59,7% Vốn điều lệ); Nợ ngắn hạn vượt qua tài sản ngắn hạn với số tiền 497.984.707.027 đồng. Hoạt động thu phí của Công ty đến nay chỉ đạt khoảng 15,7% so với phương án tài chính. Trong năm 2023, Công ty chỉ thanh toán được nợ gốc cho ngân hàng số tiền là 4.961.874.413 đồng. Các yếu tố trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,... Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Trên cơ sở đề nghị của Nhà đầu tư, Bộ GTVT đã báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 10466/TTr-BGTVT ngày 10/10/2022, Thường trực Chính phủ đã họp và có Thông báo kết luận số 324/TB-VPCP ngày 11/10/2022 về giải pháp xử lý các vướng mắc, bất cập, đồng thời có Tờ trình số 402/TTr-CP ngày 11/10/2022 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp xử lý vướng mắc, bất cập tại một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức BOT do Bộ GTVT quản lý. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có ý kiến tại Thông báo số 1834/TB-TTKQH ngày 28/11/2022 đề nghị hoàn thiện hồ sơ phương án giải pháp xử lý đảm bảo đủ điều kiện xem xét.

Ngày 20/02/2023, Bộ GTVT đã có Công văn số 16/BGTVT-CĐCTVN về việc xem xét phương án, giải pháp xử lý vướng mắc bất cập các dự án BOT cầu Thái Hà, cầu Việt Trì do Bộ Giao thông Vận tải quản lý. Theo đó, Bộ GTVT đề nghị Công ty làm việc với Ngân hàng để xem xét giải pháp xử lý và có phương án chia sẻ giảm tối đa lãi suất vay vốn và các nội dung kiến nghị liên quan khác để hoàn tất hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền.

Ngày 28/02/2023, Công ty đã có công văn số 03/2023/CV-BOT gửi Bộ Giao thông vận tải và đề xuất: đề nghị Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ và cấp có thẩm quyền đồng ý cho Công ty được chấm dứt hợp đồng BOT trước thời hạn và bố trí ngân sách hoàn vốn 100% cho các chi phí đầu tư hợp lý hợp lệ hợp pháp. Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Ngày 27/4/2023, Bộ GTVT có Tờ trình số 4405/TTr-BGTVT trình Chính phủ về giải pháp xử lý khó khăn, bất cập tại một số dự án BOT. Theo đó, Bộ GTVT báo cáo Chính phủ về những nguyên tắc, giải pháp tổng thể để xử lý khó khăn, vướng mắc dự án BOT giao thông, đồng thời đề xuất giải pháp xử lý khó khăn bất cập đối với 8 dự án BOT do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Theo Công văn số 3340/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, Bộ GTVT được giao chủ trì, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Công an, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ về giải pháp xử lý khó khăn, bất cập tại một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức BOT nêu tại Tờ trình trên. Trên cơ sở đó, tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng với giá trị tài sản Cầu Thái Hà có nguyên giá 1.375,42 tỷ đồng và 84,1 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế, cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát và sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý Nhà nước để tháo gỡ các khó khăn nêu trên, Công ty sẽ có đủ nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động và thanh toán nợ vay ngân hàng trong tương lai. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp và cam kết duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Như đã trình bày tại thuyết minh 4.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã trích lập dự phòng phải trả về bảo dưỡng định kỳ theo Điều 40 Hợp đồng BOT ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và Nhà đầu tư Liên danh Công ty TNHH Tiên Đại Phát, Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân và Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh với tổng số dư là 7.108.000.000 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 10.594.937.000 đồng). Công ty đã gửi Báo cáo kế hoạch, dự toán sửa chữa vừa dự án BOT cầu Thái Hà năm 2023 theo Công văn số 35/2022/TH-KTKH ngày 26/12/2022 đến Cục Đường bộ Việt Nam, tuy nhiên chưa được Cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số số 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.225.236.422	121.458.218.770
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		587.326.569	472.441.388
1. Tiền	111	5.1	587.326.569	472.441.388
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.483.907.495	33.498.660.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.764.540.166	9.542.950.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	44.043.729.092	24.897.801.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	-	200.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.324.361.763)	(1.142.091.680)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84.154.002.358	87.487.117.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		82.674.242	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.071.328.116	87.487.117.021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.324.068.403.119	1.338.594.505.037
II. Tài sản cố định	220		1.324.068.403.119	1.338.594.505.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	1.324.068.403.119	1.338.594.505.037
- Nguyên giá	222		1.375.425.634.893	1.375.425.634.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.357.231.774)	(36.831.129.856)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.456.293.639.541	1.460.052.723.807

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.300.633.817.862	1.221.328.220.570
I. Nợ ngắn hạn	310		630.209.943.449	358.755.346.157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	10.430.033.507	21.125.353.651
2. Phải trả người lao động	314		-	-
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	295.282.832.329	192.916.802.260
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		40.952.026	10.800.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	317.348.125.587	141.307.453.246
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.11	7.108.000.000	3.394.937.000
II. Nợ dài hạn	330		670.423.874.413	862.572.874.413
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	670.423.874.413	855.372.874.413
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.11	-	7.200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.659.821.679	238.724.503.237
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	155.659.821.679	238.724.503.237
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.468.000.000	592.468.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.468.000.000	592.468.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(436.808.178.321)	(353.743.496.763)
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	421a		(353.743.496.763)	(274.257.530.795)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(83.064.681.558)	(79.485.965.968)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.456.293.639.541	1.460.052.723.807

Người lập biểu

Đỗ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hòa

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2024
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Tiến Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	44.751.230.136	45.876.191.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	33.200.927
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	44.751.230.136	45.842.990.907
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	16.964.921.117	21.523.619.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.786.309.019	24.319.371.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	160.083	358.903
7. Chi phí tài chính	22	6.4	102.819.053.606	106.694.594.848
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		102.819.053.606	106.694.503.346
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	8.032.097.054	(2.892.665.105)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(83.064.681.558)	(79.482.198.979)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	3.766.989
13. Lợi nhuận khác	40		-	(3.766.989)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(83.064.681.558)	(79.485.965.968)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(83.064.681.558)	(79.485.965.968)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(1.402)	(1.342)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.402)	(1.342)

Người lập biểu

Đỗ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hòa

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2024
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Tiến Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		49.550.869.924	118.709.627.261
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.768.893.216)	(83.269.234.262)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.357.827.112)	(1.644.628.834)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(453.023.537)	(2.833.962.941)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		200.000.000	5.999.078.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(148.073.302)	(12.423.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.023.052.757	36.948.456.293
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		160.083	358.903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		160.083	358.903
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.908.327.659)	(37.581.620.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.908.327.659)	(37.581.620.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		114.885.181	(632.804.804)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		472.441.388	1.105.246.192
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		587.326.569	472.441.388

Người lập biểu

Đỗ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hòa



Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2024
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Tiên Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, thay đổi lần thứ 06 ngày 29 tháng 01 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 592.468.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín hai tỷ, bốn trăm sáu tám triệu đồng). Tổng số cổ phần là 59.246.800 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thu phí cầu đường, Xây dựng công trình.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Gia công cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình và Hà Nam với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn 1) có tổng giá trị quyết toán 1.375.425.634.893 đồng được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và đã được kiểm toán dự án hoàn thành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hiện tại Cầu Thái Hà đã được thi công xong và đưa vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên giá trị hợp lý của dự án phụ thuộc vào kết quả phê duyệt quyết toán dự án của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Theo hợp đồng dự án, Nhà đầu tư (Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà) được sử dụng trạm thu phí cầu Thái Hà để hoàn vốn, thời gian thu phí hoàn vốn khoảng 16 năm 7 tháng. Dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 4 năm 2018 và Nhà đầu tư bắt đầu thu phí từ tháng 2 năm 2019.

Tuy nhiên, sau khi dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo QL39A và dự án xây dựng cầu Hưng Hà vượt sông Hồng hoàn thành, hầu hết các phương tiện đều chọn tuyến đường không thu phí qua cầu Hưng Hà, trong khi khoảng cách từ cầu Thái Hà đến cầu Hưng Hà rất ngắn, chỉ khoảng 3 - 4 km. Vì vậy, từ thời điểm thu phí BOT đến nay, doanh thu thu phí của Công ty thực tế chỉ đạt khoảng 15,7% so với phương án tài chính hợp đồng BOT, dẫn đến Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi vốn cũng như thanh toán các khoản nợ và lãi vay ngân hàng.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 21 người (tại ngày 31/12/2022 là: 20 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh khoản lỗ (83.064.681.558) đồng, nâng tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2023 lên (436.808.178.321) đồng, chiếm 73,7% Vốn điều lệ (tại ngày 01/01/2023 số lũy kế là (353.743.496.763) đồng, chiếm 59,7% Vốn điều lệ); Nợ ngắn hạn vượt qua tài sản ngắn hạn với số tiền 497.984.707.027 đồng. Hoạt động thu phí của Công ty đến nay chỉ đạt khoảng 15,7% so với phương án tài chính. Trong năm 2023, Công ty chỉ thanh toán được nợ gốc cho ngân hàng số tiền là 4.961.874.413 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,... Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Trên cơ sở đề nghị của Nhà đầu tư, Bộ GTVT đã báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 10466/TTr-BGTVT ngày 10/10/2022, Thường trực Chính phủ đã họp và có Thông báo kết luận số 324/TB-VPCP ngày 11/10/2022 về giải pháp xử lý các vướng mắc, bất cập, đồng thời có Tờ trình số 402/TTr-CP ngày 11/10/2022 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp xử lý vướng mắc, bất cập tại một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức BOT do Bộ GTVT quản lý. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có ý kiến tại Thông báo số 1834/TB-TTKQH ngày 28/11/2022 đề nghị hoàn thiện hồ sơ phương án giải pháp xử lý đảm bảo đủ điều kiện xem xét.

Ngày 20/02/2023, Bộ GTVT đã có Công văn số 16/BGTVT-CĐCTVN về việc xem xét phương án, giải pháp xử lý vướng mắc bất cập các dự án BOT cầu Thái Hà, cầu Việt Trì do Bộ Giao thông Vận tải quản lý. Theo đó, Bộ GTVT đề nghị Công ty làm việc với Ngân hàng để xem xét giải pháp xử lý và có phương án chia sẻ giảm tối đa lãi suất vay vốn và các nội dung kiến nghị liên quan khác để hoàn tất hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền.

Ngày 28/02/2023, Công ty đã có công văn số 03/2023/CV-BOT gửi Bộ Giao thông vận tải và đề xuất: đề nghị Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ và cấp có thẩm quyền đồng ý cho Công ty được chấm dứt hợp đồng BOT trước thời hạn và bố trí ngân sách hoàn vốn 100% cho các chi phí đầu tư hợp lý hợp lệ hợp pháp. Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Ngày 27/4/2023, Bộ GTVT có Tờ trình số 4405/TTr-BGTVT trình Chính phủ về giải pháp xử lý khó khăn, bất cập tại một số dự án BOT. Theo đó, Bộ GTVT báo cáo Chính phủ về những nguyên tắc, giải pháp tổng thể để xử lý khó khăn, vướng mắc dự án BOT giao thông, đồng thời đề xuất giải pháp xử lý khó khăn bất cập đối với 8 dự án BOT do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Theo Công văn số 3340/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, Bộ GTVT được giao chủ trì, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Công an, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ về giải pháp xử lý khó khăn, bất cập tại một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức BOT nêu tại Tờ trình số 4405/TTr-BGTVT ngày 27/4/2023 nêu trên. Trên cơ sở đó, tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng với giá trị tài sản Cầu Thái Hà có nguyên giá 1.375,42 tỷ đồng và 84,1 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế, cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát và sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý Nhà nước để tháo gỡ các khó khăn nêu trên, Công ty sẽ có đủ nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động và thanh toán nợ vay ngân hàng trong tương lai. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp và cam kết duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Vi vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ kế toán được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định của Công ty là Cầu Thái Hà được đầu tư theo hợp đồng BOT. Từ năm 2020, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm so với thời gian khai thác hoàn vốn của Dự án theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi thông tư 45/2013/TT-BTC.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Cầu đường 16 năm 07 tháng

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó.

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã trích chi phí dự phòng phải trả chi phí bảo dưỡng định kỳ theo Điều 40 Hợp đồng BOT ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và Nhà đầu tư Liên danh Công ty TNHH Tiến Đại Phát, Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân và Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh với tổng số dự là 7.108.000.000 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 10.594.937.000 đồng). Công ty đã gửi Báo cáo kế hoạch, dự toán sửa chữa vừa dự án BOT cầu Thái Hà năm 2023 theo Công văn số 35/2022/TH-KTKH ngày 26/12/2022 đến Cục Đường bộ Việt Nam, tuy nhiên chưa được Cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ của Công ty trong kỳ là thu phí cầu đường Cầu Thái Hà.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo quy định hiện hành, Công ty được hưởng ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới. Công ty được miễn thuế 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới theo quy định về thuế Thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	583.876.950	363.353.777
Tiền gửi ngân hàng	3.449.619	109.087.611
Cộng	587.326.569	472.441.388

5.2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH DV thiết bị văn phòng Việt Nam	166.856.228	166.856.228
- Công ty TNHH Dịch vụ và Tiếp vận THT	-	439.885.591
- Công ty TNHH SX&KD Thiết bị Toàn Phát	-	338.524.331
- Công ty TNHH Quý Nhật Hải	8.597.683.938	8.597.683.938
Cộng	8.764.540.166	9.542.950.088

5.3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Trung Tâm Phát triển Quỹ đất huyện Hưng Hà	612.091.680	612.091.680
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	23.910.810.273	23.920.710.273
- Công ty Cổ phần Đầu tư VLXD Việt Cam	19.100.000.000	-
- Các khoản phải trả người bán khác	420.827.139	365.000.000
Cộng	44.043.729.092	24.897.801.953

Bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	23.910.810.273	23.920.710.273

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	1.375.425.634.893	1.375.425.634.893
Mua trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	1.375.425.634.893	1.375.425.634.893
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	36.831.129.856	36.831.129.856
Khấu hao trong năm	14.526.101.918	14.526.101.918
Tại ngày cuối năm	51.357.231.774	51.357.231.774
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	1.338.594.505.037	1.338.594.505.037
Tại ngày cuối năm	1.324.068.403.119	1.324.068.403.119

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.324.068.403.119 VND.

(*) Tài sản cố định hữu hình là giá trị công trình Cầu Thái Hà được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và đã được kiểm toán dự án hoàn thành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hiện tại Cầu Thái Hà đã được thi công xong và đưa vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên giá trị hợp lý của dự án phụ thuộc vào kết quả phê duyệt quyết toán dự án của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ

Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Kỳ quỹ, ký cược	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	-	-	200.000.000	200.000.000

5.6. Nợ xấu

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khác	-	-	200.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng	8.764.540.166	4.382.270.083	-	-
Các khoản trả trước cho người bán	942.091.680	-	942.091.680	-
Cộng	9.706.631.846	4.382.270.083	1.142.091.680	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ

Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.7. Phải trả người bán**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh TM Minh Trung	-	-	6.613.603.029	6.613.603.029
- Công ty TNHH MD Phúc An Hưng	-	-	3.352.253.553	3.352.253.553
- Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1	4.868.020.650	4.868.020.650	4.868.020.650	4.868.020.650
- Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279
- Các khách hàng khác	2.039.682.578	2.039.682.578	2.769.146.140	2.769.146.140
Cộng	10.430.033.507	10.430.033.507	21.125.353.651	21.125.353.651

5.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp cuối năm
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	3.000.000	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Thôn Phú Vật, Xã Tiên Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm VND		Trong năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	317.348.125.587	317.348.125.587	184.949.000.000	8.908.327.659	141.307.453.246	141.307.453.246
- <i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	-	3.946.453.246	3.946.453.246	3.946.453.246
+ Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	-	-	-	3.946.453.246	3.946.453.246	3.946.453.246
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	317.348.125.587	317.348.125.587	184.949.000.000	4.961.874.413	137.361.000.000	137.361.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	317.348.125.587	317.348.125.587	184.949.000.000	4.961.874.413	137.361.000.000	137.361.000.000
b. Vay dài hạn	670.423.874.413	670.423.874.413	-	184.949.000.000	855.372.874.413	855.372.874.413
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	670.423.874.413	670.423.874.413	-	184.949.000.000	855.372.874.413	855.372.874.413
Cộng	987.772.000.000	987.772.000.000	184.949.000.000	193.857.327.659	996.680.327.659	996.680.327.659

(*) Khoản vay của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng số 0106/2015/HĐVT/ĐP-BOTTH ngày 01/6/2015; Phụ lục hợp đồng số 10/10/2015/PLHĐ/ĐP-BOTTH ngày 10/10/2015; Phụ lục hợp đồng số 1806/2019/PLHĐ/ĐP-BOTTH ngày 18/6/2019; Phụ lục hợp đồng số 1612/2019/PLHĐ/ĐP-BOTTH ngày 16/12/2019 thỏa thuận số tiền vay tối đa 150 tỷ đồng. Số tiền vay cụ thể từng lần theo đề nghị, lãi suất tính cho năm 2023 là 10,3%, mục đích chủ yếu để trả nợ lãi vay và một phần nợ gốc vay cho ngân hàng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2015-HĐTDDA/NHCT384-BOT THAIHA ngày 31 tháng 3 năm 2015; Phụ lục hợp đồng số 01/2019-HĐCV-SDBS01/NHCT384-BOT THAIHA ngày 11/03/2019; Phụ lục hợp đồng số 02/2019-HĐCV-SDBS02/NHCT384-BOT THAIHA ngày 01/12/2019. Ngân hàng cam kết cho Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà vay với tổng giá trị không vượt quá 1.223.904.000.000 đồng, thời hạn vay là 161 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam, được ghi trên từng giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình - Hà Nam với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn 1 theo hình thức Hợp đồng BOT.

Vay dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán: 157.348.125.587 đ

(***) Số dư với bên liên quan xem chi tiết thuyết minh 7.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	295.282.832.329	192.916.802.260
Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	295.282.832.329	192.916.802.260
Trong đó: lãi quá hạn chưa thanh toán:	116.263.447.627 đồng	

5.11. Dự phòng phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Dự phòng sửa chữa thường xuyên	1.548.000.000	3.394.937.000
- Dự phòng sửa chữa vừa	5.560.000.000	-
Cộng	7.108.000.000	3.394.937.000
b. Dài hạn		
- Dự phòng sửa chữa vừa	-	7.200.000.000
Cộng	-	7.200.000.000

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NĂM TRƯỚC			
Số dư đầu năm trước	592.468.000.000	(274.257.530.795)	318.210.469.205
Lỗi trong năm	-	(79.485.965.968)	(79.485.965.968)
Số dư cuối năm trước	592.468.000.000	(353.743.496.763)	238.724.503.237
NĂM NAY			
Số dư đầu năm nay	592.468.000.000	(353.743.496.763)	238.724.503.237
Lỗi trong năm	-	(83.064.681.558)	(83.064.681.558)
Số dư cuối năm nay	592.468.000.000	(436.808.178.321)	155.659.821.679

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	238.258.000.000	238.258.000.000
Các cổ đông khác	354.210.000.000	354.210.000.000
Cộng	592.468.000.000	592.468.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	592.468.000.000	592.468.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	592.468.000.000	592.468.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOT ngày 27/4/2023 với mức tăng thêm dự kiến là 140.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá dự kiến 10.000 đồng/Cổ phiếu

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.246.800	59.246.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.246.800	59.246.800
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	59.246.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.246.800	59.246.800
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	59.246.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần	-	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	44.751.230.136	45.876.191.834
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.751.230.136	37.200.782.663
Doanh thu bán hàng hóa	-	8.675.409.171
Các khoản giảm trừ	-	33.200.927
Hàng bán bị trả lại	-	33.200.927
Doanh thu thuần	44.751.230.136	45.842.990.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.964.921.117	14.806.881.456
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	6.716.737.590
Cộng	16.964.921.117	21.523.619.046

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	160.083	358.903
Cộng	160.083	358.903

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	102.819.053.606	106.694.503.346
Chi phí tài chính khác	-	91.502
Cộng	102.819.053.606	106.694.594.848

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.533.841.794	1.557.033.680
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.758.409	50.367.324
Thuế, Phí, Lệ phí	31.421.229	5.544.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.182.270.083	(5.439.893.164)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.214.805.539	934.283.055
Cộng	8.032.097.054	(2.892.665.105)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.758.409	50.367.324
Chi phí nhân công	2.533.841.794	1.557.033.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.526.101.918	12.066.881.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.140.561.738	934.283.055
Chi phí khác bằng tiền	31.421.229	5.544.000
Chi phí dự phòng	695.333.083	(2.699.893.164)
Cộng	24.997.018.171	11.914.216.351

6.7. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(83.064.681.558)	(79.485.965.968)
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(83.064.681.558)	(79.485.965.968)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	59.246.800	59.246.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.402)	(1.342)

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2023.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn - Đồng thời Ông Ngô Tiến Cương - Chủ tịch HĐQT là đồng đại diện pháp luật
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giao dịch với các bên liên quan

- Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

	Năm nay VND
Thu nhập HĐQT, BKS và Ban TGD	155.251.011

- Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Lãi tiền vay PS	201.571.857	2.363.463.152
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Trả gốc vay	(3.946.453.246)	(33.891.620.000)
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Trả lãi vay	(453.023.537)	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Chi phí duy tu bảo dưỡng PS	5.877.161.969	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Thanh toán chi phí duy tu bảo dưỡng	(5.877.161.969)	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Thanh toán công nợ	-	81.141.825.803
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Tạm ứng tiền hàng	-	(24.100.000.000)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Trả trước người bán	23.910.810.273	23.920.710.273
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Vay ngắn hạn	-	3.946.453.246
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Chi phí lãi vay phải trả	-	251.451.680

7.4 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tin bộ phận được trình bày chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Trong đó các lĩnh vực chính là:

- Hoạt động thương mại: Buôn bán các loại vật liệu xây dựng, thép (không phát sinh trong kỳ báo cáo).
- Hoạt động dịch vụ: Thu phí cầu đường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

a) Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Chỉ tiêu	Dịch vụ thu phí (VND)	Kinh doanh thương mại (VND)	Hoạt động không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần	44.751.230.136	-	-	44.751.230.136
Giá vốn hàng bán	16.964.921.117	-	-	16.964.921.117
Lợi nhuận gộp	27.786.309.019	-	-	27.786.309.019
Chi phí quản lý	-	-	8.032.097.054	8.032.097.054
Doanh thu tài chính	-	-	160.083	160.083
Chi phí tài chính	102.617.481.749	-	201.571.857	102.819.053.606
Chi phí khác	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(74.831.172.730)	-	(8.233.508.828)	(83.064.681.558)
Thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(74.831.172.730)	-	(8.233.508.828)	(83.064.681.558)

b) Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (trình bày lại):

Chỉ tiêu	Dịch vụ thu phí (VND)	Kinh doanh thương mại (VND)	Hoạt động không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần	37.167.581.736	8.675.409.171	-	45.842.990.907
Giá vốn hàng bán	14.806.881.456	6.716.737.590	-	21.523.619.046
Lợi nhuận gộp	22.360.700.280	1.958.671.581	-	24.319.371.861
Chi phí quản lý	-	-	(2.892.665.105)	(2.892.665.105)
Doanh thu tài chính	-	-	358.903	358.903
Chi phí tài chính	104.331.040.194	-	2.363.554.654	106.694.594.848
Chi phí khác	-	-	3.766.989	3.766.989
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(81.970.339.914)	1.958.671.581	525.702.365	(79.485.965.968)
Thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(81.970.339.914)	1.958.671.581	525.702.365	(79.485.965.968)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2023:

Chỉ tiêu	Dịch vụ thu phí (VND)	Kinh doanh thương mại (VND)	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng (VND)
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	1.408.809.732.046	47.483.907.495	-	1.456.293.639.541
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.408.809.732.046	47.483.907.495	-	1.456.293.639.541
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	1.300.633.817.862	-	-	1.300.633.817.862
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.300.633.817.862	-	-	1.300.633.817.862

d) Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận tại ngày 31/12/2022 (trình bày lại):

Chỉ tiêu	Dịch vụ thu phí (VND)	Kinh doanh thương mại (VND)	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng (VND)
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	1.426.589.063.446	33.463.660.361	-	1.460.052.723.807
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.426.589.063.446	33.463.660.361	-	1.460.052.723.807
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	1.207.164.459.062	9.965.856.582	-	1.221.328.220.570
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.197.904.926	-
Tổng nợ phải trả	1.211.362.363.988	9.965.856.582	9.965.856.582	1.221.328.220.570

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Đỗ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hòa

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Tiến Cường